

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/KDTM-
ST Ngày 25/9/2024.
V/v “*Tranh chấp Hợp
đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy và bà Trần Thị Thanh Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai – tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2023/TLST – KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2024/QĐST-KDTM ngày 13/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ1.

Địa chỉ: T T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến P – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh P2.

Người được ông P ủy quyền lại: Ông Lê Công H – Chức vụ: Phó Giám đốc phòng G - Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh P2 (Có mặt)

- Bị đơn: Chị Dương Thị P1, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Hội Đ, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, và tại

phiên toà đại theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ1 (Ông Lê Công H) trình bày:

Vào ngày 25/12/2019 Ngân hàng TMCP Đ1 và chị Dương Thị P1 có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12017184 với các nội dung sau: Chị Dương Thị P1 có làm hồ sơ thủ tục vay Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn). Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng hải sản. Thời hạn vay: 11 tháng kể từ ngày 25/12/2019. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất 9,7%/năm cố định trong thời hạn Hợp đồng tín dụng.

Các giấy tờ vay nợ chị P1 là người trực tiếp ký vào giấy tờ vay. Chị P1, anh Đ là người trực tiếp ký vào hợp đồng thế chấp tài sản. Khi vay vốn chị Dương Thị P1 và anh Lê Hội Đ đã đồng ý thế chấp:

Quyền sử dụng đất thửa đất số 1552 tờ bản đồ số 128-79, có diện tích 80 m² tại Thôn Đ (nay là thôn T), xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (nay là thửa đất số 595 tờ bản đồ số 28 có diện tích 80,5m²). Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Hội Đ và Dương Thị P1 và các tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 01/2019/12017184/HĐBĐ ngày 18/01/2019.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, chị Dương Thị P1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1 nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 25/11/2020. Ngân hàng đã nhiều lần ra thông báo đề nghị làm việc với chị P1 yêu cầu trả nợ nhưng chị P1 vẫn không thực hiện.

Từ khi vay cho đến nay, chị Dương Thị P1 chỉ mới trả tiền lãi suất cho Ngân hàng TMCP Đ1 là: 80.044.931 đồng. Sau đó chị P1 không trả bất kì một khoản nào cho Ngân hàng nữa.

Tạm tính đến ngày 25/9/2024, chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ còn nợ Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền gốc, tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn tạm tính đến ngày 25/09/2024 là: 578.905.205 đồng (Năm trăm bảy tám triệu chín trăm linh năm nghìn hai trăm linh năm đồng), trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng; nợ lãi: 119.270.137 đồng, lãi quá hạn: 59.635.068 đồng.

1. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ phải trả Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền gốc, tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn tạm tính đến ngày 25/09/2024 là: 578.905.205 đồng (Năm trăm bảy tám triệu chín trăm linh năm nghìn hai trăm linh năm đồng), trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng; nợ lãi: 119.270.137 đồng, lãi quá hạn: 59.635.068 đồng.

Chị P1, anh Đ còn tiếp tục phải trả số tiền lãi và các loại phí phát sinh sau ngày 25/9/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1.

2. Trường hợp chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất có số thửa 1552 tờ bản đồ số 128-79, có diện tích 80 m² tại

Thôn Đ (nay là thôn T), xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (nay là thửa đất số 595 tờ bản đồ số 28 có diện tích 80,5m²). Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Hội Đ và Dương Thị P1 và các tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/12017184/HĐBĐ ngày 18/01/2019 theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án buộc chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn chị Dương Thị P1 trình bày:

Vào ngày 25/12/2019 chị có đến Ngân hàng TMCP Đ1 vay số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) thời hạn vay là 11 tháng. Khi vay hai bên có kí kết các hợp đồng vay với nhau. Theo hợp đồng vay thì lãi suất vay là 9,7%/năm. Các Giấy tờ vay nợ thì chị là người trực tiếp ký tên điển chỉ vào giấy tờ vay nợ còn các giấy tờ thế chấp tài sản tại Ngân hàng vợ chồng chị trực tiếp ký vào các giấy tờ thế chấp. Mục đích chị vay Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng là để kinh doanh mua bán hải sản. Khoản vay này chị là người trực tiếp đứng ra vay, anh Đ chỉ tham gia ký vào hồ sơ thế chấp tài sản tại Ngân hàng.

Khi vay vợ chồng chị có thế chấp thửa đất số 1552, tờ bản đồ 128-79 có diện tích 80 m² tại thôn Đ (nay là thôn T), xã Q, thị xã H mang tên Lê Hội Đ và Dương Thị P1 và các tài sản gắn liền với đất. Lúc thế chấp trên đất có 01 nhà ống gian 02 tầng có công trình phụ phía trong nhà. Sau khi thế chấp vợ chồng chị không xây cũng như phát sinh thêm tài sản gì khác trên đất.

Sau khi vay chị đã trả được tiền lãi suất đến ngày 30/8/2021 là 80.044.931 đồng chưa trả được khoản tiền gốc nào sau đó vì điều kiện khó khăn là ăn thua lỗ nên chị không trả thêm được khoản tiền nào nữa.

Nay Ngân hàng TMCP Đ1 yêu cầu chị trả số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi gốc quá hạn đến ngày 24/10/2023 tổng cộng là 525.169.879đ (Năm trăm hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm bảy mươi chín đồng) thì chị cũng thống nhất trả khoản tiền này nhưng xin ngân hàng cho chị được trả góp mỗi tháng 3.000.000đ đến 4.000.000đ. Và xin ngân hàng bớt tiền lãi cho chị.

Nếu chị không trả được nợ cho Ngân hàng thì chị cũng thống nhất để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Nhưng đề nghị Ngân hàng xem xét chưa xử lý tài sản thế chấp để vợ chồng chị cùng làm ăn trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn chị Dương Thị P1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Hội Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy ý kiến của anh Đ, cùng tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không tiến hành ghi được lời khai của anh Đ cũng như không

làm việc được với chị P1.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thị xã H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong suốt quá trình giải quyết và tại thời điểm xét xử.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có mặt; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn chị P1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đ là đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thị xã H về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 BLTTDS; các Điều 274; 275; 280; 288; 299; 319; 325; 422; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 27; các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1:

Buộc chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP Đ1, tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/09/2024 là: 578.905.205 đồng (Năm trăm bảy tám triệu chín trăm linh năm nghìn hai trăm linh năm đồng), trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng; nợ lãi: 119.270.137 đồng, lãi quá hạn: 59.635.068 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12017184 ngày 25/9/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, chị P1, anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong trường hợp chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có số thửa 1552 tờ bản đồ số 128-79, có diện tích 80 m² tại Thôn Đ (nay là thôn T), xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (nay là thửa đất số 595 tờ bản đồ số 28 có diện tích 80,5m²). Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Hội Đ và Dương Thị P1 và các

tài sản gắn liền với đất. Theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/12017184/HĐBĐ ngày 18/01/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đ1 với chị Dương Thị P1 và anh Lê Hội Đ

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ chị P1, anh Đ phải có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ1 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Về án phí: Chị P1, anh Đ phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đ1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Hiện nay bị đơn chị Dương Thị P1 có nơi cư trú tại thôn T, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, vì vậy theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

[1.4] Về nghĩa vụ trả nợ: Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2023 Ngân hàng TMCP Đ1 chỉ yêu cầu chị Dương Thị P1 trả nợ. Tuy nhiên trước và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP Đ1 cũng đã có bản tự khai cũng như lời trình bày yêu cầu buộc vợ chồng anh Đ, chị P1 phải liên đới cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra việc chị P1 đứng ra vay nợ để nhằm mục đích cho hộ gia đình anh Đ, chị P1 kinh doanh mua bán hải sản phục vụ cho gia đình nên các thành viên phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, ngoài ra anh Đ cũng đã có văn bản ủy quyền thống nhất để chị P1 đứng ra vay nợ. Do đó cần xác định anh Lê Hội Đ phải có trách nhiệm cùng với chị Dương Thị P1 liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Dương Thị P1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Hội Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xem như bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ Tòa án

thu thập làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngân hàng TMCP Đ1 yêu cầu chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/09/2024 là: 578.905.205 đồng (Năm trăm bảy tám triệu chín trăm linh năm nghìn hai trăm linh năm đồng), trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng; nợ lãi: 119.270.137 đồng, lãi quá hạn: 59.635.068 đồng.

Qua các chứng cứ thu thập được cho thấy: Vào ngày 25/12/2019 chị Dương Thị P1 có vay Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn). Mục đích vay: Thanh toán tiền mua hàng hải sản. Thời hạn vay: 11 tháng kể từ ngày 25/12/2019. Lãi suất cho vay là 9,7%/năm cố định trong thời hạn Hợp đồng tín dụng.

Từ khi vay cho đến nay, chị P1, anh Đ đã trả tiền lãi suất cho Ngân hàng TMCP Đ1 là: 80.044.931 đồng.

Sau đó bị đơn chị Dương Thị P1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Hội Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi, tiền gốc hàng tháng cho Ngân hàng theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Đ1 yêu cầu chị P1, anh Đ phải trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi suất, lãi suất quá hạn còn nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị P1, anh Đ phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và tiền nợ lãi suất cho ngân hàng, các phí phát sinh cho đến khi chị P1, anh Đ thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, cụ thể: Tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/09/2024 là: 578.905.205 đồng (Năm trăm bảy tám triệu chín trăm linh năm nghìn hai trăm linh năm đồng), trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng; nợ lãi: 119.270.137 đồng, lãi quá hạn: 59.635.068 đồng.

Xem xét các Hợp đồng đã ký kết Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12017184 ngày 25/9/2019 được ký kết hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP Đ1 và chị P1. Các hợp đồng đã đầy đủ về mặt hình thức, nội dung. Việc ký kết hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP Đ1 và chị P1 đều trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc đúng quy định pháp luật, có giá trị pháp lý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với hợp đồng thế chấp số 01/2019/12017184/HĐBĐ ngày 18/01/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh B với chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ. Hợp đồng đã đầy đủ về mặt hình thức, nội dung. Việc ký kết hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP Đ1 và chị P1, anh Đ đều trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc đúng quy định pháp luật, có giá trị pháp lý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp chị Dương Thị P1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Đ1 sẽ được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

[2.1] Về khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/9/2024) sẽ được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm.

[3] Về chi phí tố tụng, án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1 được chấp nhận nên chị P1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên chị P1, anh Đ phải hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng.

Ngoài ra, chị P1, anh Đ còn phải chịu tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 274; 275; 280; 288; 299; 319; 325; 422; 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 27; các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ.

Buộc chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/09/2024 là: 578.905.205 đồng (Năm trăm bảy tám triệu chín trăm linh năm nghìn hai trăm linh năm đồng), trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng; nợ lãi: 119.270.137 đồng, lãi quá hạn: 59.635.068 đồng..

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/9/2024 chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12017184 ngày 25/9/2019.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ1 thì lãi suất mà chị P1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ1 theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng. Chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ lãi chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

2. Trường hợp chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi suất cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP Đ1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thửa đất 1552 tờ bản đồ số 128-79, có diện tích 80 m² tại Thôn Đ (nay là thôn T), xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An (nay là thửa đất số 595 tờ bản đồ số 28 có diện tích 80,5m²). Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Hội Đ và Dương Thị P1 và các tài sản gắn liền với đất (Lý do có sự thay đổi diện tích là do sai số do đo đạc). Theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/12017184/HĐBĐ ngày 18/01/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đ1 với chị Dương Thị P1 và anh Lê Hội Đ.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, buộc chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ1.

Về chi phí tố tụng và án phí: Chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP Đ1 đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên chị P1, anh Đ phải trả số tiền này cho Ngân hàng.

Chị Dương Thị P1, anh Lê Hội Đ phải chịu 27.156.000 đồng (Hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi sáu ngàn đồng) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Kỷ phần anh Đ, chị P1 mỗi người phải chịu 13.578.000đ (Mười ba triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ1 không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền 12.503.000đ (Mười hai triệu năm trăm linh ba nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008330 ngày 22/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai.

Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Huy